

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-QLXD Hà Nam, ngày tháng 02 năm 2022

V/v phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu lập Đề án chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050

Kính gửi:

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Công thương; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Các Ban, ngành: Cục Thống kê; Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Văn phòng Ủy ban nhân dân thông báo tại Văn bản số 452/VPUB-GTXD ngày 15/3/2021 về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050; số 903/VPUB-GTXD ngày 06/5/2021 về việc xây dựng Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng*).

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 16/08/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Đề án chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

Để phục vụ công tác lập Đề án chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050, Sở Xây dựng kính đề nghị các Sở, Ban, ngành, địa phương trong tỉnh phối hợp, cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan phục vụ công tác lập Đề án nêu trên.

(theo Phụ lục, biểu mẫu cần cung cấp thông tin, tài liệu gửi kèm theo Văn bản này)

Văn bản cung cấp thông tin, tài liệu đề nghị gửi về Sở Xây dựng **trước ngày 12/3/2022**. Xin trân trọng cảm ơn./.

(mọi thông tin trao đổi xin liên hệ cán bộ phòng Quản lý xây dựng, Sở Xây dựng Hà Nam: ông Bùi Xuân Phương, số điện thoại 0912.188.055)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, QLXD;
- CV(NVQ)-2022/0256

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

PHỤ LỤC

(kèm theo Văn bản số/SXD-QLXD ngày... /02/2022 của Sở Xây dựng)

Nội dung thông tin, tài liệu cần cung cấp phục vụ công tác lập Đề án chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050

1. Sở Kế hoạch - Đầu tư

- Báo cáo tổng kết về tình hình thực hiện kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2020 và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2021 – 2025;
- Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các báo cáo chuyên đề lập Quy hoạch tỉnh Hà Nam;
- Danh mục các dự án sản xuất VLXD; các dự án khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD được cấp phép, chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2016 – 2021.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Bản đồ phân bố tài nguyên, khoáng sản làm VLXD trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- Danh sách các đơn vị được cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXD từ năm 2015 đến nay;
- Báo cáo tình hình hoạt động khoáng sản làm VLXD của các đơn vị được cấp phép trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Khoáng sản 2010.

3. Sở Giao thông vận tải

- Các dự án giao thông quan trọng đã đầu tư trong giai đoạn 2016 – 2020;
- Các dự án giao thông quan trọng ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2030;
- Tình hình cung ứng và sử dụng VLXD trong các dự án công trình giao thông và các kiến nghị (nếu có).

4. Cục Thống kê

- Số liệu về sản phẩm của các doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD;
- Số liệu về sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất VLXD;
- Tổng giá trị sản xuất của ngành VLXD và khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD.

5. Sở Công thương

- Tình hình sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; các chính sách khuyến công đối với lĩnh vực sản xuất VLXD;
- Các ngành nghề sản xuất chủ yếu đang hoạt động trong các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Tỷ lệ lấp đầy tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Chính sách thu hút đầu tư tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Danh sách các doanh nghiệp sản xuất VLXD đang hoạt động; các dự án sản xuất VLXD được chấp thuận chủ trương đầu tư tại các cụm công nghiệp;
- Báo cáo của các doanh nghiệp sản xuất VLXD trong các cụm công nghiệp (*theo biểu mẫu 01 kèm theo*).

6. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Các dự án công trình thủy lợi, đề điều quan trọng đã đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020.
- Các dự án công trình thủy lợi, đề điều quan trọng ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021-2030;
- Tình hình cung ứng và sử dụng VLXD trong các dự án công trình thủy lợi, đề điều và các kiến nghị (nếu có).

7. Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình tỉnh Hà Nam

- Các dự án công trình giao thông - xây dựng quan trọng đã đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020.
- Các dự án giao thông - xây dựng quan trọng ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021- 2030;
- Tình hình cung ứng và sử dụng VLXD trong các dự án công trình giao thông - xây dựng và các kiến nghị (nếu có).

8. Ban quản lý các khu công nghiệp

- Các ngành nghề sản xuất chủ yếu đang hoạt động trong các Khu công nghiệp.
- Tỷ lệ lấp đầy tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Chính sách thu hút đầu tư tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Danh sách các doanh nghiệp sản xuất VLXD đang hoạt động; các dự án sản xuất VLXD được chấp thuận chủ trương đầu tư tại các khu công nghiệp.
- Báo cáo của các doanh nghiệp sản xuất VLXD trong các khu công nghiệp (*theo biểu mẫu số 01 kèm theo*).

9. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Báo cáo tổng kết về tình hình thực hiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025;
- Báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và VLXD trên địa bàn;
 - Danh sách các doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD trên địa bàn và báo cáo của các doanh nghiệp (*theo biểu mẫu 02 gửi kèm*).
 - Danh sách các doanh nghiệp sản xuất VLXD trên địa bàn và báo cáo của các doanh nghiệp VLXD (*nằm ngoài khu, cụm công nghiệp*) theo biểu mẫu 02 gửi kèm.
 - Danh sách các dự án khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD; dự án sản xuất VLXD được cấp phép, chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn.
 - Danh sách các cơ sở kinh doanh VLXD lớn và báo cáo của các cơ sở kinh doanh VLXD lớn (*theo biểu mẫu 03 gửi kèm*).

BIỂU MẪU SỐ 01
BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY
DỰNG TRONG CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Người đại diện làm báo cáo:..... Số điện thoại:.....
4. Sản phẩm sản xuất:..... Tiêu chuẩn sản phẩm:.....
5. Tổng số cán bộ, công nhân viên:.....
6. Mỏ nguyên liệu được cấp phép (nếu có):
 - 6.1. Tên mỏ:..... Địa chỉ:.....
 - 6.2. Công suất khai thác :..... Trữ lượng còn lại :.....
7. Đặc điểm dây chuyền sản xuất:
 - 7.1. Số lượng dây chuyền:.....
 - 7.2. Năm đầu tư :.....
 - 7.3. Xuất xứ dây chuyền công nghệ:.....
 - 7.4. Công suất thiết kế:.....
 - 7.5. Các chỉ số tiêu hao về nguyên vật liệu; nhiên liệu; điện năng; nhân công:..
 - 7.6. Công tác bảo vệ môi trường:.....
8. Tình hình sản xuất & kinh doanh :
 - 8.1. Sản lượng sản phẩm sản xuất & tiêu thụ giai đoạn 2016-2020:.....
 - 8.2. Doanh thu giai đoạn 2016-2020:.....
 - 8.3. Địa bàn tiêu thụ sản phẩm chủ yếu:.....
 - 8.4. Các thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn hiện nay:.....
9. Tình hình đầu tư mở rộng từ nay đến 2030:.....
10. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước:.....

Đại diện doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU MẪU SỐ 02
BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY
DỰNG NẪM NGOÀI CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Người đại diện báo cáo:.....Số điện thoại:.....
4. Sản phẩm sản xuất:.....Tiêu chuẩn sản phẩm:.....
5. Tổng số cán bộ, công nhân viên:.....
6. Mỏ nguyên liệu được cấp phép (nếu có):
 - 6.1. Tên mỏ:.....Địa chỉ:.....
 - 6.2. Công suất khai thác :.....Trữ lượng còn lại :.....
7. Đặc điểm dây chuyền sản xuất:
 - 7.1. Số lượng dây chuyền:.....
 - 7.2. Năm đầu tư :.....
 - 7.3. Xuất xứ dây chuyền công nghệ:.....
 - 7.4. Công suất thiết kế:.....
 - 7.5. Các chỉ số tiêu hao về nguyên vật liệu; nhiên liệu; điện năng; nhân công:.....
 - 7.6. Công tác bảo vệ môi trường:.....
8. Tình hình sản xuất & kinh doanh :
 - 8.1. Sản lượng sản phẩm sản xuất & tiêu thụ giai đoạn 2016-2020:.....
 - 8.2. Doanh thu giai đoạn 2016-2020:.....
 - 8.3. Địa bàn tiêu thụ sản phẩm chủ yếu:.....
 - 8.4. Các thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn hiện nay:.....
9. Tình hình đầu tư mở rộng từ nay đến 2030:.....
10. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước:.....

Đại diện doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU MẪU SỐ 03
BÁO CÁO CỦA CÁC CƠ SỞ KINH DOANH VLXD

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Người đại diện báo cáo:.....Số điện thoại:.....
4. Các mặt hàng VLXD kinh doanh:
5. Địa bàn tiêu thụ:

6. Sản lượng tiêu thụ:
7. Giá bán:
8. Các thuận lợi và khó khăn trong giai đoạn hiện nay:.....
9. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước:.....

Đại diện cơ sở kinh doanh
(Ký tên, đóng dấu)